**PHỤ LỤC III**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số  /2020/NĐ-CP ngày tháng  năm 2020 của Chính phủ)*

**HƯỚNG DẪN SỐ 1**

LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN PPP

Báo cáo nghiên cứu khả thi là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án PPP. Phụ lục này hướng dẫn các nội dung được trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi để cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư phê duyệt dự án và làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của dự án, đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) theo các nội dung dưới đây:

**A. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**

Tóm tắt và thuyết minh thông tin cơ bản của dự án, bao gồm:

1. Tên dự án

2. Tên cơ quan ký kết hợp đồng

3. Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án

4. Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất

5. Yêu cầu về kỹ thuật

6. Dự kiến tổng mức đầu tư

7. Vốn Nhà nước trong dự án PPP (nếu có)

8. Loại hợp đồng dự án

9. Các chỉ tiêu chính thuộc phương án tài chính sơ bộ

10. Thời gian hợp đồng dự án

11. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

12. Tên bên mời thầu, hình thức lựa chọn nhà đầu tư và thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

13. Các nội dung liên quan khác

**B. CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**

Liệt kê các văn bản pháp lý chủ yếu làm căn cứ lập BCNCKT, bao gồm:

1. Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc triển khai dự án theo phương thức PPP

2. Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến ngành, lĩnh vực đầu tư của dự án

3. Các nghị quyết hoặc quyết định phê duyệt các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và địa phương liên quan đến dự án

4. Các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền trong các bước lập, thẩm định BCNCTKT, quyết định chủ trương đầu tư

**C. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**

Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các tài liệu, văn bản pháp lý chủ yếu sau đây:

1. Văn bản đề nghị thẩm định

2. Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án

3. Báo cáo nghiên cứu khả thi

4. Quyết định chủ trương đầu tư

5. Văn bản thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền với nhà đầu tư về việc giao nhà đầu tư lập BCNCKT (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất);

6. Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

**D. NỘI DUNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**

**I. Sự cần thiết đầu tư dự án**

***1. Bối cảnh chung***

- Thuyết minh chi tiết bối cảnh chung về kinh tế - xã hội của quốc gia và/hoặc địa phương trong giai đoạn dự án được triển khai; các điều kiện, môi trường tự nhiên tác động đến dự án;

- Tổng quan về ngành, lĩnh vực mà dự án đề xuất, các ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp của các quy định về pháp luật chuyên ngành đối với dự án;

- Phân tích sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và địa phương;

- Nhận định các lợi ích dự kiến dự án sẽ đóng góp cho quốc gia và/hoặc địa phương.

***2. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án***

Trường hợp dự án khởi công mới, thuyết minh chi tiết về hiện trạng, thực trạng của khu vực, địa điểm sẽ triển khai dự án. Trường hợp dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp, BCNCKT cần thuyết minh bổ sung hiện trạng của công trình cần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

***3. Các dự án có liên quan***

Nêu thông tin cơ bản về các dự án có liên quan (bao gồm dự án hỗ trợ và dự án cạnh tranh) có thể tác động về mặt doanh thu, lợi nhuận, chi phí... đến dự án được đề xuất; thuyết minh tác động tích cực cũng như ảnh hưởng tiêu cực của các dự án đó đối với dự án được đề xuất.

- Trường hợp lập BCNCKT của dự án thành phần, phân tích mối liên hệ với các dự án thành phần còn lại.

***4. Lợi thế của việc đầu tư theo phương thức PPP***

Phân tích chi tiết lợi thế đối với dự án khi đầu tư theo phương thức PPP so với phương thức đầu tư khác trên cơ sở các nội dung: Khả năng thu hút nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của khu vực tư nhân.

***5. Kết quả tiếp thu ý kiến về tác động của việc đầu tư thực hiện dự án***

- Tổng hợp ý kiến tham vấn về việc đầu tư thực hiện dự án của các cơ quan, tổ chức sau đây: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, đoàn đại biểu quốc hội tỉnh, thành phố nơi thực hiện dự án; hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư.

- Nêu giải trình, tiếp thu ý kiến tham vấn của các cơ quan, tổ chức nói trên.

***6. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư và bên cho vay***

Trong thời gian lập BCNCKT, có quan có thẩm quyền tổ chức một hoặc một số cuộc khảo sát thị trường để xác định cụ thể một số nội dung sau:

- Khả năng triển khai dự án tương tự (về lĩnh vực, quy mô...) của khu vực tư nhân;

- Khảo sát ý kiến của khu vực tư nhân về một số yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện dự án;

- Sự quan tâm của nhà đầu tư, bên cho vay đối với dự án.

Phần này thuyết minh quá trình tổ chức khảo sát và nêu rõ kết quả khảo sát được thể hiện tại Mục nào của BCNCKT.

***7. Sự phù hợp với quy hoạch***

Phân tích chi tiết sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

***8. Một số nội dung cần thiết khác***

**II. Thông tin chi tiết về dự án**

***1. Mục tiêu của dự án***

Xác định mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể của dự án, bao gồm:

- Mục tiêu tổng thể: Đóng góp của dự án vào việc thực hiện các mục tiêu chung của quốc gia; những lợi ích dự án đóng góp cho kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và ngành, lĩnh vực.

- Mục tiêu cụ thể: Những vấn đề, thực trạng được giải quyết; số lượng đối tượng hưởng lợi từ dự án; quy mô, công suất dự án cần đạt được để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

***2. Quy mô, công suất của dự án***

Phân tích nhu cầu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, dịch vụ công trên cơ sở quy hoạch, dữ liệu khảo sát thực tiễn, hoặc các số liệu dự báo; thuyết minh quy mô, công suất của dự án; trường hợp cần phân kỳ đầu tư, nêu rõ quy mô, công suất của từng thời kỳ cho phù hợp với dự báo về tăng trưởng nhu cầu.

***3. Địa điểm thực hiện dự án***

Mô tả địa điểm, khu đất thực hiện dự án trên cơ sở các nội dung sau: Phạm vi, diện tích đất sử dụng, hiện trạng khu đất được sử dụng, hành lang bảo vệ (nếu có), diện tích xây dựng công trình, lợi thế của địa điểm đối với dự án[[1]](#footnote-1)3. Trường hợp xung quanh hoặc trong địa phận thực hiện dự án có các dự án hoặc công trình khác đang hoặc sắp triển khai, phân tích mức độ ảnh hưởng của các dự án đó đối với dự án đang được đề xuất.

***4. Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác (nếu có)***

Nêu diện tích, hiện trạng đất và tài nguyên khác (nếu có) được sử dụng để thực hiện dự án.

***5. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư***

Trường hợp hiện trạng khu đất chưa được giải phóng, thuyết minh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đang được đề xuất theo quy định hiện hành.

***6. Lựa chọn nhà đầu tư***

BCNCKT đề xuất bên mời thầu, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, thời gian dự kiến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi hoặc đàm phán cạnh tranh.

**III. Thuyết minh về kỹ thuật**

***1. Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc sản phẩm, dịch vụ được cung cấp***

- Xác định các phương án kỹ thuật, công nghệ trên cơ sở quy mô, công suất của dự án; tiêu chuẩn chất lượng, định mức của ngành; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ; rủi ro về kỹ thuật, công nghệ (nếu có); yêu cầu đầu vào và đầu ra của dự án.

- Nêu cụ thể các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Mô tả về phương án kỹ thuật, công nghệ được BCNCKT lựa chọn. Đây là cơ sở để tính toán tổng mức đầu tư của dự án. BCNCKT cần nêu rõ việc nhà đầu tư được đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

- Trường hợp khảo sát thị trường về một số yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện dự án, phân tích kết quả khảo sát và việc sử dụng kết quả khi lập BCNCKT.

***2. Thiết kế cơ sở***

Nội dung thiết kế cơ sở trong BCNCKT được lập theo quy định của pháp luật xây dựng (đối với dự án có cấu phần xây dựng) hoặc được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (đối với dự án không có cấu phần xây dựng).

**IV. Loại hợp đồng dự án**

***1. Căn cứ lựa chọn loại hợp đồng cho dự án***

Trên cơ sở các thuyết minh về phương án kỹ thuật, dự báo nhu cầu, phương án tài chính của dự án, BCNCKT xác định dự án thuộc mô hình đầu tư có hoạt động kinh doanh hoặc thanh toán cho nhà đầu tư trên cơ sở chất lượng dịch vụ cung cấp, đồng thời phân tích tính phù hợp của loại hợp đồng đối với các điều kiện dự án.

***2. Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng dự án***

Thuyết minh chi tiết về vai trò, trách nhiệm trong suốt vòng đời dự án giữa các bên có liên quan, bao gồm: Cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các tổ chức khác có liên quan (bên cho vay, đơn vị cung ứng đầu vào, đơn vị bao tiêu sản phẩm, nhà thầu...).

**3*. Phân tích các rủi ro chính của dự án***

Mô tả và đánh giá các rủi ro chính trong suốt vòng đời dự án như: Rủi ro về pháp lý (thay đổi chính sách, pháp luật), rủi ro về quyền sử dụng đất, rủi ro về môi trường, rủi ro về kỹ thuật, công nghệ được lựa chọn, rủi ro về thiết kế và xây dựng, rủi ro về tài khóa (ngân sách trung ương, địa phương, khả năng cung cấp bảo lãnh...), rủi ro về doanh thu (nhu cầu của thị trường, lưu lượng...), rủi ro vận hành...

***4. Cơ chế phân bổ và quản lý rủi ro***

Thuyết minh cụ thể cơ chế phân bổ, quản lý rủi ro (bao gồm các biện pháp giảm thiểu rủi ro), trách nhiệm giữa cơ quan có thẩm quyền và đối tác tư nhân (nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, bên cho vay...) trong quá trình thực hiện dự án.

**V. Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư**

***1. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư***

BCNCKT cần thuyết minh chi tiết về các đề xuất ưu đãi đầu tư (bao gồm ưu đãi đặc thù của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương), các loại hình bảo lãnh, bảo đảm của Chính phủ và điều kiện kèm theo cũng như các các nghĩa vụ cần thiết khác trong thời gian thực hiện hợp đồng dự án.

***2. Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu***

BCNCKT nêu rõ việc dự án được áp dụng cơ chế chia sẻ rủi ro và nguồn xử lý rủi ro từ dự phòng ngân sách trung ương hay địa phương theo quyết định chủ trương đầu tư.

**VI. Phân tích tài chính dự án**

***1. Các thông số đầu vào sử dụng trong mô hình tài chính***

*- Chi phí trong suốt vòng đời dự án:* Chi phí trong suốt vòng đời dự án gồm tổng mức đầu tư và chi phí khai thác, vận hành trong suốt vòng đời dự án. Trong đó, tổng mức đầu tư được xác định theo pháp luật về xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc theo pháp luật khác có liên quan đối với dự án không có cấu phần xây dựng. Chi phí khai thác, vận hành trong suốt vòng đời dự án bằng các chi phí liên quan đến vận hành và bảo dưỡng công trình dự án; các chi phí nhân lực để vận hành và bảo dưỡng công trình dự án; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn giám sát, dự phòng...

*- Doanh thu:* Xác định doanh thu của dự án qua từng năm (doanh thu ở mức căn bản, doanh thu ở mức tối đa và doanh thu ở mức tối thiểu) trên cơ sở các nội dung về dự báo nhu cầu (đã được phân tích chi tiết tại Mục VI.3 Phần này); giá, phí hàng hóa, dịch vụ và các khoản thu khác của dự án (xem xét cơ sở pháp lý để xác định giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí).

*- Các thông số đầu vào khác:* Lãi vay, thời gian vay; tỷ lệ lạm phát; tỷ giá; tỷ lệ khấu hao và các thông số khác.

***2. Phương án tài chính của dự án***

Trình bày nội dung phương án tài chính sơ bộ *(nội dung chi tiết thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định quy định chi tiết cơ chế tài chính trong dự án PPP*), bao gồm:

1. Tổng mức đầu tư: Trên cơ sở các thuyết minh về kỹ thuật được lựa chọn, BCNCKT xác định tổng mức đầu tư của dự án.

2. Cơ cấu nguồn vốn của nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án (vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác) và phương án huy động vốn giả định.

3. Vốn Nhà nước tham gia trong dự án dự kiến (nếu có), cụ thể bao gồm:

- Vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP: vốn đầu tư công, giá trị tài sản công (được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công);

- Vốn thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, BLT;

- Vốn của Nhà nước để chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm.

4. Phương án thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của nhà đầu tư trong trường hợp áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO và O&M.

5. Giá trị phần nộp ngân sách nhà nước đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M.

6. Đề xuất ưu đãi đảm bảo phương án tài chính của dự án (nếu có)

7. Dự kiến các khoản chi phí của dự án trong thời gian vận hành

8. Các thông số đầu vào, chỉ tiêu tài chính.

***3. Dự báo nhu cầu***

BCNCKT phân tích nhu cầu sử dụng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ được cung cấp; dự báo tốc độ tăng trưởng nhu cầu trong tương lai, cụ thể:

- Phân tích nhu cầu hiện tại: Căn cứ hiện trạng dự án, quy mô, công suất dự án, xác định số lượng đối tượng hưởng lợi từ dự án.

- Dự báo nhu cầu tương lai: Xây dựng các kịch bản về nhu cầu (tối đa, trung bình, tối thiểu) trong suốt vòng đời dự án.

***4. Các chỉ tiêu tài chính xem xét tính khả thi của dự án***

Căn cứ nội dung phương án tài chính và các thông số đầu vào của mô hình tài chính, tính khả thi về tài chính của dự án được xem xét trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính sau:

- Giá trị hiện tại ròng tài chính (NPV) của dự án là giá trị hiện tại của dòng tiền thuần trong suốt vòng đời dự án. Để đảm bảo dự án đạt hiệu quả tài chính, NPV phải dương (>0) và được tính theo công thức sau:



Trong đó:

CFt = Giá trị dòng tiền thuần (cash flow) là khoản chênh lệch giữa số tiền thu được (dòng tiền vào) và số tiền chi ra (dòng tiền ra) của dự án tại năm thứ t;

t = Năm trong vòng đời dự án (0, 1, 2,..., n);

n = Số năm hoạt động của dự án (thời gian hợp đồng dự án);

r = Tỷ suất chiết khấu (được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính).

- Tỷ suất nội hoàn tài chính (IRR - Internal Rate of Return): Chỉ tiêu này cho biết lợi nhuận của dự án, không bao gồm cơ cấu huy động vốn. IRR là tỷ suất chiết khấu (r) tại điều kiện biên NPV=0 và được tính toán thông qua việc giải phương trình sau đây:



Trong đó: CFt, t, n có ý nghĩa tương tự như trong công thức tính NPV nêu trên.

Để đánh giá dự án khả thi về mặt tài chính, IRR của dự án sau khi tính toán cần được so sánh với các giá trị: (i) Chi phí vốn bình quân gia quyền của dự án (WACC - Weighted Average Cost of Capital); (ii) IRR của các dự án có tính chất tương tự, trong cùng lĩnh vực; (iii) IRR kỳ vọng tối thiểu của các nhà đầu tư tiềm năng đối với dự án - thông qua hoạt động khảo sát thị trường (market test) trong quá trình nghiên cứu, chuẩn bị dự án. Dự án có tính khả thi về tài chính khi IRR lớn hơn giá trị (i) và phù hợp với các giá trị (ii), (iii).

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng dự án, BCNCKT có thể bổ sung các chỉ tiêu đánh giá tính khả thi của phương án tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

***5. Kết luận về tính khả thi tài chính của dự án***

Trên cơ sở các phân tích tại các Mục nêu trên, căn cứ tính chất của từng loại hợp đồng dự án, BCNCKT nêu kết luận về tính khả thi tài chính của dự án.

***6. Quản lý và sử dụng vốn Nhà nước trong dự án PPP***

Căn cứ kết quả phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội và phương án tài chính của dự án, BCNCKT thuyết minh các nội dung có liên quan đến việc quản lý và sử dụng vốn Nhà nước trong dự án PPP, bao gồm:

- Đối với dự án cần vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP: Nêu dự kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đối với nguồn vốn đầu tư công; dự kiến phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân nguồn vốn cho nhà đầu tư. Trường hợp sử dụng tài sản công làm vốn Nhà nước tham gia trong dự án, đơn vị chuẩn bị dự án nêu phương thức, kế hoạch và tiến độ bàn giao hoặc chuyển nhượng tài sản công cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án cần vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP: Nêu sơ bộ nguồn vốn và khả năng cân đối (dự kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đối với nguồn vốn đầu tư công hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật); phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân nguồn vốn cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án cần vốn của Nhà nước để chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm: Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phân tích tại mục II.5 Phần này, nêu dự kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; dự kiến kế hoạch và tiến độ giải ngân nguồn vốn.

**VII. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; tác động về môi trường, xã hội và quốc phòng, an ninh**

***1. Xác định các yếu tố chi phí và lợi ích về mặt kinh tế - xã hội***

Xác định chi tiết các yếu tố chi phí và lợi ích về mặt kinh tế - xã hội của dự án theo các nhóm yếu tố dưới đây:

- Nhóm yếu tố có thể định lượng và quy đổi được thành tiền (được sử dụng để tính toán các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án theo hướng dẫn lại Mục VIII.2 Phần này).

- Nhóm yếu tố có thể định lượng nhưng không định giá được (ví dụ: Lợi ích do cải thiện về môi trường, lợi ích do thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng việc làm...).

- Nhóm yếu tố chỉ có thể định tính (ví dụ: Lợi ích do tăng tính kết nối giữa các vùng sản xuất và đầu mối tiêu thụ, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân vùng dự án...).

***2. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án***

*a) Giá trị hiện tại ròng kinh tế (ENPV)*

ENPV là hiệu số giữa tổng lợi ích mang lại trừ đi tổng chi phí bỏ ra trong thời gian tính toán kinh tế, được quy đổi về hiện tại. Để đảm bảo dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, ENPV phải dương (>0) và được tính theo công thức sau:



Trong đó:

Bt = Lợi ích năm t;

Ct = Chi phí năm t;

t = Năm trong vòng đời dự án (0, 1, 2, ... , n);

n = Số năm hoạt động của dự án (thời gian hợp đồng dự án);

re = Tỷ suất chiết khấu kinh tế của dự án[[2]](#footnote-2)4.

*b) Tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế (BCR)*

BCR là tỷ số giữa tổng lợi ích mà việc đầu tư mang lại trên tổng chi phí bỏ ra trong quá trình đầu tư và khai thác đã được quy về giá trị hiện tại. Để đảm bảo dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, BCR phải lớn hơn 1 (>1) và được tính theo công thức sau:



Trong đó: Bt, Ct, t, n, re có ý nghĩa tương tự như trong công thức tính ENPV nêu trên.

*c) Tỷ suất nội hoàn kinh tế (EIRR)*

Tỷ suất nội hoàn kinh tế là tỷ suất chiết khấu kinh tế tối đa để dự án thu hồi nguồn vốn đầu tư và chi phí vận hành, đạt được sự hòa vốn. EIRR bằng giá trị tỷ suất chiết khấu (re) trong trường hợp ENPV = 0 và được xác định thông qua việc giải phương trình sau:



Trong đó: Bt, Ct, t, n có ý nghĩa tương tự như trong công thức tính ENPV nêu trên.

Để đảm bảo dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, EIRR phải lớn hơn tỷ suất chiết khấu xã hội (SDR - Social Discount Rate): EIRR > SDR. Giá trị SDR được xác định theo quy định của từng ngành. Trường hợp chưa được quy định cụ thể thì đơn vị lập BCNCKT có thể tham khảo giá trị SDR=10% hoặc đề xuất giá trị tính toán khác nhưng cần có thuyết minh về lý do lựa chọn giá trị đó.

***3. Kết luận về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án***

Trên cơ sở phân tích theo hướng dẫn tại Mục VIII.1 và Mục VIII.2 Phần này, BCNCKT nêu kết luận về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

Trường hợp không đủ điều kiện xác định các yếu tố chi phí và lợi ích có thể định lượng và quy đổi được thành tiền làm cơ sở để tính toán các chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, BCNCKT nêu kết luận về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án trên cơ sở các nhóm yếu tố còn lại.

***4. Tác động về môi trường, xã hội, quốc phòng, an ninh của dự án***

- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án sử dụng tài nguyên thiên nhiên làm yếu tố đầu vào chính (thuộc các lĩnh vực như năng lượng, điện, nước...), phân tích chi tiết về tác động của dự án đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực.

- Thuyết minh yếu tố tác động đến xã hội trong quá trình thực hiện dự án như hỗ trợ tái định cư, bình đẳng giới, lao động, tạo việc làm... và các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực.

- Trường hợp dự án có tác động về quốc phòng, an ninh, phân tích chi tiết nội dung này và đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực.

**VIII. Quản lý thực hiện dự án**

***1. Hình thức, cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện dự án PPP***

BCNCKT thuyết minh hình thức, cơ cấu tổ chức quản lý thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án đối với từng giai đoạn cụ thể; phương thức để cơ quan có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình thực hiện dự án.

Đối với dự án có cấu phần xây dựng, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lựa chọn hình thức quản lý dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, hình thức quản lý dự án theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

***2. Nội dung quản lý thực hiện dự án***

BCNCKT thuyết minh các nội dung quản lý thực hiện dự án bao gồm nội dung và phương thức giám sát chất lượng công trình; giám sát thực hiện hợp đồng dự án, đảm bảo cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, liên tục; phương thức nhà đầu tư thực hiện kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp dịch vụ.

BCNCKT xác định các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án trên các khía cạnh: Kỹ thuật, vận hành, môi trường, xã hội, tài chính, tiến độ... làm cơ sở xây dựng hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng dự án và giám sát chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cung cấp.

**IX. Kế hoạch tổ chức thực hiện dự án**

- Xác định thời gian tổng thể để chuẩn bị dự án, bao gồm: Giai đoạn lập, thẩm định BCNCTKT và quyết định chủ trương đầu tư (đã hoàn thành); giai đoạn lập, thẩm định và phê duyệt BCNCKT; giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (sơ tuyển, đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án; đóng tài chính của dự án và hợp đồng dự án bắt đầu có hiệu lực).

- Xác định thời gian thực hiện hợp đồng dự án (bao gồm thời điểm kết thúc hợp đồng dự án). Trường hợp dự án có cấu phần xây dựng, xác định cụ thể thời gian xây dựng công trình, thời gian vận hành và chuyển giao công trình.

- Trường hợp dự án phải phân kỳ để giảm sự phức tạp của việc đầu tư hoặc tăng tính khả thi về tài chính và sự hấp dẫn của dự án, BCNCKT cần phân tích nguyên nhân, dự kiến kế hoạch phân kỳ và trình bày các phương pháp thực hiện.

- Đề xuất cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu.

**E. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Trình bày các nội dung kết luận chính của BCNCKT đã được phân tích ở trên, phù hợp, khả thi để triển khai đầu tư theo phương thức PPP. Theo đó, đưa ra kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT hoặc các kiến nghị khác (nếu có).

**HƯỚNG DẪN SỐ 2**

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN PPP

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực và nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT), báo cáo thẩm định BCNCKT được thực hiện theo các nội dung hướng dẫn dưới đây. Đối với BCNCKT do nhà đầu tư lập, cần xem xét các yếu tố khác mà nhà đầu tư thuyết minh. Hội đồng thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét cụ thể đối với từng nội dung và đề xuất phương án giải quyết trường hợp có nội dung chưa đồng thuận hoặc cần bổ sung, hoàn thiện với đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập BCNCKT.

**A. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN**

Trình bày thông tin khái quát về dự án, bao gồm:

1. Tên dự án

2. Tên cơ quan có thẩm quyền

3. Tên cơ quan ký kết hợp đồng

4. Tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án

5. Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất

6. Yêu cầu về kỹ thuật

7. Dự kiến tổng mức đầu tư

8. Vốn Nhà nước trong dự án PPP (nếu có)

9. Loại hợp đồng dự án

10. Các chỉ tiêu chính thuộc phương án tài chính sơ bộ

11. Thời gian hợp đồng dự án

12. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

13. Các nội dung liên quan khác

**B. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

1. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ BCNCTKT của dự án, trong đó nêu rõ thành viên chủ trì thẩm định các nội dung cụ thể tại Mục C của Báo cáo này.

2. Tổng hợp ý kiến đánh giá tác động của việc thực hiện dự án theo nội dung quy định tại Mục I.5 Phần D Phụ lục II Thông tư này.

**C. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**I. Kiểm tra hồ sơ**

Hội đồng thẩm định đưa ra đánh giá về:

- Tính đầy đủ về thành phần, nội dung hồ sơ.

- Sự phù hợp của căn cứ pháp lý được áp dụng để lập BCNCKT.

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức lập BCNCKT.

**II. Thẩm định về nội dung của hồ sơ**

***1. Sự phù hợp với căn cứ pháp lý***

Hội đồng thẩm định xem xét sự phù hợp của BCNCKT đối với các văn bản pháp lý có liên quan.

***2. Sự cần thiết đầu tư dự án***

Hội đồng thẩm định xem xét sự phù hợp của BCNCKT đối với một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tính cấp bách, cần thiết phải đầu tư dự án.

- Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án.

- Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu.

- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo phương thức PPP so với các phương thức đầu tư khác.

- Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan.

***3. Tính khả thi của dự án***

*a) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật*

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: Xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính thực tiễn của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Thiết kế cơ sở: Tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án: Xem xét sự phù hợp của khả năng cung ứng của các yếu tố đầu vào đối với quy mô, công suất của từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với dự báo về tăng trưởng nhu cầu.

- Các yếu tố đầu ra của dự án: Xem xét sự phù hợp của các yếu tố đầu ra với quy mô, công suất, nhu cầu sử dụng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp; xem xét tính phù hợp của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án được trình bày trong BCNCKT.

*b) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án*

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Việc phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội nhằm so sánh lợi ích giữa phương án thực hiện đầu tư dự án với phương án giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, trường hợp lựa chọn giữa nhiều dự án, những dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn trên cơ sở kết hợp khả năng cân đối nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Do vậy, Hội đồng thẩm định cần xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các nhóm yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu kinh tế (Giá trị hiện tại ròng kinh tế - ENPV; Tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế - BCR; Tỷ suất nội hoàn kinh tế - EIRR). Dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội khi các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đáp ứng yêu cầu sau:

ENPV phải dương (>0); BCR phải lớn hơn 1 (>1); EIRR phải lớn hơn tỷ suất chiết khấu xã hội (SDR).

- Tác động của dự án đối với môi trường: Hồ sơ đánh giá tác động môi trường của dự án phải được lập và phê duyệt phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hội đồng thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về môi trường đối với hồ sơ nêu trên.

- Tác động của dự án đối với xã hội: Xem xét sự phù hợp của các tác động được thuyết minh trong BCNCKT đối với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội, cộng đồng địa phương, những nhóm đối tượng thiệt thòi không có khả năng chi trả giá hoặc phí đối với sản phẩm, dịch vụ của dự án như phụ nữ, người nghèo, người tàn tật...

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Trường hợp dự án có liên quan đến các vấn đề quốc phòng, an ninh, xem xét sự phù hợp của các tác động và biện pháp giảm thiểu được trình bày trong BCNCKT.

*c) Tính khả thi về mặt tài chính*

- Hội đồng thẩm định xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính - NPV; Tỷ suất nội hoàn tài chính - IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án. Dự án đạt hiệu quả tài chính khi:

+ NPV phải dương (>0).

+ IRR lớn hơn giá trị (i) chi phí vốn bình quân gia quyền của dự án WACC và phù hợp với các giá trị: (ii) IRR của các dự án có tính chất tương tự, trong cùng lĩnh vực; (iii) IRR kỳ vọng tối thiểu của các nhà đầu tư tiềm năng đối với dự án.

+ Bên cạnh đó, đối với BCNCKT bổ sung các chỉ tiêu khác để đánh giá tính khả thi của phương án tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Hội đồng thẩm định xem xét thêm các chỉ tiêu này để đánh giá tính khả thi của dự án.

- Trường hợp dự án có sử dụng vốn Nhà nước tham gia trong dự án: Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công; sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư.

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư.

***4. Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án***

Hội đồng thẩm định xem xét BCNCKT theo một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn.

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án.

- Các rủi ro chính của dự án được xác định đầy đủ và phù hợp trong các kịch bản tài chính;

- Khả năng xảy ra các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đối với dự án được xác định cụ thể và phù hợp;

- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro được xác định phù hợp.

***5. Sự phù hợp của hình thức lựa chọn nhà đầu tư***

Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá sự phù hợp của hình thức lựa chọn nhà đầu tư và thời gian dự kiến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được đề xuất.

***6. Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án***

Hội đồng thẩm định cần xem xét và có ý kiến cụ thể về sự phù hợp của kế hoạch tổ chức triển khai dự án (bao gồm cả đánh giá năng lực của cơ quan ký kết hợp đồng và bên mời thầu), cơ chế giám sát và quản lý dự án được trình bày trong BCNCKT.

**D. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. Nhận xét**

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Hội đồng thẩm định tổng hợp nhận xét về BCNCKT.

**II. Kiến nghị**

- Trường hợp BCNCKT phù hợp với quy định của pháp luật và được đánh giá là khả thi để triển khai đầu tư theo phương thức PPP, Hội đồng thẩm định kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT.

- Trường hợp không thống nhất với nội dung của BCNCKT, Hội đồng thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau:

+ Phương án 1: Yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư điều chỉnh BCNCKT.

+ Phương án 2: Không phê duyệt BCNCKT.

**MẪU SỐ 3**

MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN PPP

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNHPHÊ DUYỆT DỰ ÁN——–** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc—————** |
| Số:…..........… | *………., ngày … tháng … năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt dự án… theo phương thức đối tác công tư (PPP)**

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ…. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của…;*

*Căn cứ tờ trình đề nghị phê duyệt dự án và hồ sơ kèm theo do …..nộp ngày ….. và hồ sơ bổ sung nộp ngày …. (nếu có),*

*Căn cứ báo cáo thẩm định của ……… ngày……. tháng …..năm……. .;*

**QUYẾT NGHỊ (QUYẾT ĐỊNH):**

**Điều 1: Phê duyệt Dự án (tên dự án) với các nội dung sau:**

1. Mục tiêu dự án:

2. Quy mô dự án (dự kiến):

3. Địa điểm thực hiện dự án:

4. Thời gian thực hiện dự án:

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng; nhu cầu sử dụng tài nguyên khác *(nếu có*):

6. Loại hợp đồng dự án (dự kiến):

7. Tổng mức đầu tư sơ bộ của dự án:

Trong đó:

7.1. Vốn Nhà nước trong dự án:

Bao gồm:

a) Vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: Tiến độ, tỷ lệ và phương thức quản lý và sử dụng

b) Vốn chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ xây dựng công trình tạm: Tiến độ, tỷ lệ và phương thức quản lý và sử dụng

Giá trị vốn Nhà nước tại điểm a và b nêu trên chiếm tỷ lệ ...% tổng mức đầu tư.

c) Chi phí chuẩn bị dự án

d) Chi phí thẩm định dự án

7.2. Vốn do nhà đầu tư huy động, cơ cấu vốn chủ sở hữu, vốn vay

7.3. Khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công (dự kiến): *Áp dụng đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng*

8. Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư

8.1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có)*

8.2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có)*

8.3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Cơ sở pháp lý của ưu đãi; đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi *(nếu có)*

8.4. Các bảo đảm đầu tư khác: Cơ sở pháp lý của hình thức bảo đảm; đối tượng và điều kiện hưởng bảo đảm

9. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu

9.1. Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư

9.2. *[Trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu]* Dự án này áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 82 Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau: Điều kiện, phương án chia sẻ và nguồn vốn dự kiến sử dụng để chi trả phần giảm doanh thu

10. Tên cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu:

11. Tên nhà đầu tư đề xuất dự án (trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất) và cơ chế ưu đãi cho nhà đầu tư đề xuất dự án

12. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư; Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan (Tên cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu) chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành *hồ sơ mời thầu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở để lựa chọn nhà đầu tư.*

b) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật;

c) Các nội dung khác (nếu có).

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác (nếu có)

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Cơ quan (Tên cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chuẩn bị dự án, bên mời thầu) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Cơ quan ………….. chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Cơ quan (Tên Cơ quan quyết định phê duyệt dự án) theo quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Các cơ quan có tên tại Điều 3;- Hội đồng thẩm định/đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định;- Các cơ quan liên quan khác;- Lưu: ……… | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***Tên người đại diện** |

1. 3 Căn cứ yêu cầu của pháp luật chuyên ngành, đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư có thể tổ chức khảo sát địa điểm thực hiện dự án và trình bày chi tiết kết quả khảo sát tại mục này. [↑](#footnote-ref-1)
2. 4 Giá trị re được xác định theo quy định của từng ngành. Trường hợp chưa được quy định cụ thể thì đơn vị lập BCNCKT có thể tham khảo giá trị re=10% hoặc đề xuất giá trị tính toán khác nhưng cần có thuyết minh về lý do lựa chọn giá trị đó. [↑](#footnote-ref-2)